BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 201/TB-ĐHKT-CT&CTSV

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO
Kết luận của Hội đồng đánh giá kết quả học tập sinh viên năm học 2022-2023

Kính gửi: - Ban lãnh đạo các Khoa, Viện;
- Lãnh đạo phòng Đào tạo, Thanh tra - Khảo thí & ĐBCL, Tài chính - KT;
- Cố vấn học tập các lớp;
- Sinh viên toàn trường.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, Nhà trường đã tổ chức họp đánh giá kết quả học tập năm học 2022 - 2023. Thành phần dự họp gồm các thành viên trong Hội đồng và Ban thư ký.

Sau khi các thành viên Hội đồng phát biểu, đóng góp ý kiến, và kết luận một số nội dung như sau:

I. Đối với hệ chính quy

1. Đối với các trường hợp sinh viên có kết quả học tập kém, bị cảnh báo học tập vượt quá số lần cho phép thuộc diện bị buộc thôi học:

- Sinh viên không còn khả năng hoàn thành chương trình đào tạo: Nhà trường cho phép sinh viên đăng ký dự thi/xét tuyển và trúng tuyển vào ngành đã học hoặc ngành khác của trường (kết quả học tập đã tích lũy của sinh viên được bảo lưu) nếu sinh viên có nguyện vọng. Hoặc làm đơn xin xem xét chuyển sang hệ vừa làm vừa học của Nhà trường, n ếu sinh viên không có nhu cầu học tập, Nhà trường sẽ ra Quyết định từ chối đào tạo *(có danh sách kèm theo thuộc Bảng 1)*.

- Sinh viên có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo *(có danh sách kèm theo thuộc Bảng 2)*: Nhà trường cho phép làm đơn cam kết về việc cải thiện kết quả học tập trong những năm tiếp theo, có xác nhận của gia đình và nộp về phòng Chính trị & CTSV trước ngày 16/9/2023. Các trường hợp không có đơn xin tiếp tục học, Nhà trường sẽ ra quyết định từ chối đào tạo.

2. Đối với các trường hợp sinh viên tự ý bỏ học (quá 2 kỳ không trở lại học tập):

Đề nghị lãnh đạo các Khoa, Viện chỉ đạo các thầy, cô cố vấn học tập trao đổi trực tiếp với sinh viên. Nếu sinh viên có nguyện vọng học tiếp thì làm đơn xin tiếp tục học tập (theo mẫu) và nộp về Khoa, Viện chủ quản trước ngày 25/8/2023 để tổng hợp và nộp lại danh sách cho Phòng Chính trị Công tác sinh viên theo quy định *(có danh sách kèm theo thuộc Bảng 3)*.

3. Đối với các trường hợp sinh viên khóa 2014, 2015 và 2014KTT:

- Sinh viên đang làm đồ án tốt nghiệp nhưng còn nợ môn được gia hạn học tập:

+ Khóa 2014: Gia hạn thêm 01 kỳ năm học 2023 – 2024 để sinh viên hoàn thành đồ án tốt nghiệp.

+ Khóa 2015: Cho gia hạn 02 kỳ và sinh viên không nợ quá 28 tín chỉ.

+ Khóa 2014KTT: Cho gia hạn 02 kỳ và sinh viên không nợ quá 30 tín chỉ.

(Có danh sách kèm theo thuộc Bảng 4)

- Những sinh viên không còn khả năng hoàn thành chương trình học và đã được gia hạn học tập từ trước, đề nghị các Khoa, Viện thông báo tới gia đình và sinh viên, lập danh sách và cho phép sinh viên nộp đơn xin chuyển sang hệ vừa làm vừa học (nếu sinh viên có nguyện vọng), những trường hợp không có nguyện vọng chuyển hệ, Nhà trường sẽ ra quyết định từ chối đào tạo gửi trả về địa phương quản lý.

(Có danh sách kèm theo thuộc Bảng 5)

4. Hạn cuối nộp danh sách và các loại đơn từ tại phòng Chính trị Công tác sinh viên **trước ngày 25/08/2023**.

II. Đối với hệ chính quy liên thông, hệ VLVH, VB2

1. Các lớp hệ VLVH, VB2 chính quy đang theo học

Buộc thôi học đối với những sinh viên có kết quả học tập kém, không có nhu cầu học tiếp.

2. Các lớp hệ VLVH, VB2 tại chức, LTCQ khóa 2019 trở về trước

Đối với các trường hợp sinh viên hết thời gian tối đa được phép học tại trường:

- Những sinh viên còn khả năng hoàn thành chương trình đào tạo: Đề nghị Viện Đào tạo mở rà soát lại, nếu sinh viên có nguyện vọng học tiếp thì làm đơn xin tiếp tục học tập, có xác nhận của cố vấn học tập và nộp về Viện để tổng hợp và báo cáo lại phòng Chính trị & Công tác sinh viên chậm nhất là ngày 20/8/2022. Những trường hợp không có đơn nhà trường sẽ ra quyết định buộc thôi học.

- Những viên bỏ học, không đủ điều kiện nhận ĐATN, không còn khả năng hoàn thành chương trình đào tạo: nhà trường sẽ ra quyết định buộc thôi học.

Nhà trường yêu cầu các Khoa, Viện, Cố vấn học tập thông báo tới các sinh viên liên quan biết và thực hiện.

Nơi nhận:
- Như trên (để biết & t/hiện);
- Lưu: VT, CT&CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG TÁC SV
TS. Phạm Đình Khuê

BẢNG 1: DANH SÁCH SINH VIÊN CÓ KẾT QUẢ HỌC TẬP KÉM KHÔNG CÒN KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Lớp		TC đã tích lũy	TC phải hoàn thành	TC còn thiếu	Tín chỉ còn có thể hoàn thành	Năm còn lại	Khoa
1	1651010343	Nguyễn Hoàng	Tài	15/02/1998	18	K6	50	138	88	75	2.5	Kiến trúc
2	1651030105	Dương Việt	Anh	05/12/1998	20	X2	27	131	104	75	2.5	Xây dựng
3	1751040050	Trịnh Tuấn	Anh	12/09/1999	17	N1	2	131	129	105	3.5	Đô thị
4	1651050009	Phạm Văn	Đạt	08/02/1998	17	D1	36	131	95	75	2.5	Đô thị
5	1751040088	Mai Anh	Tuấn	01/08/1999	17	N2	4	131	127	105	3.5	Đô thị
6	1651050089	Trần Văn	Thành	09/06/1998	17	D2	53	131	78	75	2.5	Đô thị
7	1651050101	Hoàng Ngọc	Ánh	28/09/1998	17	D1	54	131	77	75	2.5	Đô thị

BẢNG 2: DANH SÁCH SINH VIÊN CÓ KẾT QUẢ HỌC TẬP KÉM CÒN KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	TC đã tích lũy	TC phải hoàn thành	TC còn thiếu	Tín chỉ còn có thể hoàn thành	Năm còn lại	Khoa
1	1651050046	Bùi Duy	Tùng	30/07/1998	17 D1	102	131	29	75	2.5	Đô thị
2	1751040094	Bùi Quang	Huy	16/10/1999	17 N2	104	131	27	105	3.5	Đô thị
3	1654010068	Trần Đình Thái	Dương	04/11/1998	17 DB	105	132	27	75	2.5	Đô thị
4	1751060009	Quách Hoàng	Anh	19/12/1999	17 M	108	137	29	105	3.5	Đô thị
5	1751060016	Nguyễn Hoàng	Anh	23/06/1999	17 M	108	137	29	105	3.5	Đô thị
6	1751050071	Nguyễn Đức	Nam	26/05/1999	17 D1	111	131	20	105	3.5	Đô thị
7	1751040024	Khuất Quang	Nhật	03/11/1999	17 N2	120	131	11	105	3.5	Đô thị
8	1651050029	Nguyễn Hoàng	Mạnh	17/03/1998	17 D1	129	131	2	75	2.5	Đô thị
9	2056010006	Lê Nguyễn Việt	Hoàng	06/05/2002	20 ME	28	142	103	195	6.5	Đô thị
10	1851040011	Phạm Quang	Huy	09/05/2000	18 N	63	133	70	135	4.5	Đô thị
11	1751050019	Phạm Hồng	Phong	02/10/1999	17 D1	82	131	49	105	3.5	Đô thị
12	1851060010	Trần Văn	Thế	05/01/2000	18 M	83	137	54	135	4.5	Đô thị
13	1751040069	Uông Khương	Duy	22/01/1999	17 N1	84	131	47	105	3.5	Đô thị
14	1951040014	Lê Việt	Thắng	22/08/2001	19 N	85	131	46	165	5.5	Đô thị
15	1751050020	Trần Hiệp	Anh	16/09/1998	17 D1	85	131	46	131	DT	Đô thị
16	1751040072	Nguyễn Quang	Hiếu	21/09/1999	17 N1	90	131	41	105	3.5	Đô thị
17	1754010003	Phạm Văn	Khánh	03/05/1999	17 GT	92	133	41	105	3.5	Đô thị
18	1951060004	Nguyễn Văn	Khánh	09/05/2001	19 M	94	137	43	165	5.5	Đô thị
19	1751040020	Phạm Ngọc	Toàn	30/04/1999	17 N2	97	131	34	131	DT	Đô thị
20	1751050041	Nguyễn Đắc	Hiếu	14/05/1999	17 D2	99	131	32	105	3.5	Đô thị
21	1654010045	Vũ Hồng	Sơn	06/09/1998	17 DB	100	132	32	75	2.5	Đô thị
22	1754010022	Nguyễn Nhật	Hoàn	26/02/1996	17 GT	32	133	101	105	3.5	Đô thị
23	1854010006	Nguyễn Xuân	Cường	27/03/2000	18 GT	37	134	97	135	4.5	Đô thị
24	1751040029	Đinh Văn	Thuần	20/10/1998	17 N1	40	131	91	105	3.5	Đô thị
25	1751060013	Vũ Anh	Tú	06/08/1999	17 M	44	137	93	105	3.5	Đô thị
26	1751040067	Ngô Đức	Vũ	01/06/1999	17 N2	49	131	82	105	3.5	Đô thị
27	1751040087	Tạ Thành	Lộc	12/05/1999	17 N2	55	131	76	105	3.5	Đô thị
28	1651050098	Phùng Đức	Tú	23/12/1998	17 D2	58	131	73	75	2.5	Đô thị
29	1751040043	Nguyễn Hữu	Toán	26/12/1999	17 N2	62	131	69	105	3.5	Đô thị
30	1751050034	Phạm Thanh	Phương	24/07/1999	17 D2	66	131	65	105	3.5	Đô thị

31	1751050051	Phạm Xuân	Hoàn	05/04/1999	17 D1	68	131	63	105	3.5	Đô thị
32	1651050078	Phan Tùng	Lâm	19/06/1998	17 D2	71	131	60	75	2.5	Đô thị
33	1751060049	Trần Hoàng	Anh	16/04/1999	17 M	73	137	64	105	3.5	Đô thị
34	1654010049	Nguyễn Đức	Toàn	24/04/1998	17 GT	75	133	58	75	2.5	Đô thị
35	1654010113	Đoàn Duy	Tú	26/04/1998	17 GT	81	133	52	75	2.5	Đô thị
36	1651050037	Trương Văn	Sơn	04/12/1998	17 D2	90	131	41	75	2.5	Đô thị
37	1651050059	Nguyễn Đức	Đạt	06/02/1998	17 D2	90	131	41	75	2.5	Đô thị
38	1651060004	Vũ Ngọc	Dương	19/04/1997	17 M	99	137	38	75	2.5	Đô thị
39	1955010016	Nguyễn Vũ	Anh	09/11/2001	19 CN4	14	131	117	165	5.5	CNTT
40	1855010193	Lê Nguyễn Lâm	Vũ	14/09/2000	18 CN3	57	131	74	135	4.5	CNTT
41	1855010138	Phùng Minh	Quang	09/07/2000	19 CN3	67	131	64	135	4.5	CNTT
42	1855010171	Đỗ Đức	Thắng	24/04/2000	18 CN3	70	131	61	135	4.5	CNTT
43	1955010054	Nguyễn Duy	Đạt	06/03/2001	19 CN2	73	131	58	165	5.5	CNTT
44	1955010090	Trần Minh	Hiếu	12/04/2001	19 CN2	86	131	45	165	5.5	CNTT
45	1855010009	Đặng Phúc	Bảo	17/07/2000	18 CN1	89	131	42	135	4.5	CNTT
46	1955010132	Đặng Nguyễn Hoàng	Long	17/12/2001	19 CN4	97	131	34	165	5.5	CNTT
47	1855010148	Nguyễn Văn	Tiến	19/01/2000	18 CN3	40	131	91	135	4.5	CNTT
48	1751010281	Lưu Thị	Nhàn	07/08/1999	17 K1	100	135	35	105	3.5	Kiến trúc
49	1651010145	Sùng Chí	Linh	29/04/1998	17 K3	101	135	34	135	DT	Kiến trúc
50	1751010087	Lương Hoàng	Nam	14/06/1999	17 K3	101	135	34	105	3.5	Kiến trúc
51	1851010378	Phạm Phương	Thanh	27/09/2000	18 K4	104	138	34	135	4.5	Kiến trúc
52	1651010086	Nguyễn Thùy	Linh	04/07/1998	17 K2	107	135	28	75	2.5	Kiến trúc
53	1751010339	Hoàng Ngọc	ánh	14/05/1999	17 K3	110	135	25	105	3.5	Kiến trúc
54	1751010333	Đỗ Duy	Huy	04/04/1999	18 K4	113	138	25	105	3.5	Kiến trúc
55	1851010188	Lưu Nhật	Khánh	16/01/2000	18 K1	115	138	23	135	4.5	Kiến trúc
56	1951010355	Nguyễn Quốc	Tuấn	25/03/2001	19 K+	37	138	101	165	5.5	Kiến trúc
57	1851010208	Lê Nhật	Linh	20/02/2000	18 K6	48	138	90	135	4.5	Kiến trúc
58	1851010032	Hà Văn	Cương	08/01/2000	18 K4	50	138	88	135	4.5	Kiến trúc
59	1851010013	Nguyễn Duy	Anh	16/02/2000	18 K6	54	138	84	135	4.5	Kiến trúc
60	1851010073	Đào Tiến	Đạt	07/11/2000	18 K4	60	138	78	135	4.5	Kiến trúc
61	1851010425	Nguyễn	Trọng	05/09/2000	18 K5	60	138	78	135	4.5	Kiến trúc
62	1851010224	Ngô Hoàng	Long	14/06/2000	18 K1	61	138	77	135	4.5	Kiến trúc
63	1851010186	Chu Đức	Khánh	16/01/2000	19 K5	63	138	75	135	4.5	Kiến trúc
64	1851010335	Lê Như	Sơn	24/02/2000	18 K5	64	138	74	138	DT	Kiến trúc
65	1851010185	Vũ Đình	Khải	25/01/1999	18 K4	67	138	71	135	4.5	Kiến trúc
66	1851010352	Đào Anh	Tuấn	08/05/2000	18 K3	68	138	70	138	DT	Kiến trúc
67	1851010340	Hoàng Tiến	Sỹ	21/11/1998	18 K4	68	138	70	135	4.5	Kiến trúc

68	1851010228	Nguyễn Đức	Long	14/02/2000	18 K5	73	138	65	138	DT	Kiến trúc
69	1951010450	Đặng Duy	Hiếu	25/10/2001	19 K+	74	138	64	165	5.5	Kiến trúc
70	1751010340	Nguyễn Công Nhật	Anh	10/05/1999	17 K4	78	135	57	105	3.5	Kiến trúc
71	1751010091	Đặng Nguyễn Anh	Phương	24/08/1999	17 K7	81	135	54	105	3.5	Kiến trúc
72	1851010247	Hoàng Bảo Trúc	Lương	01/02/2001	18 K6	83	138	55	138	DT	Kiến trúc
73	1851010324	Đỗ Hoàng	Quân	06/04/2000	18 K1	84	138	54	135	4.5	Kiến trúc
74	1851010305	Trần Thanh	Phong	23/07/2000	18 K1	86	138	52	135	4.5	Kiến trúc
75	1851010416	Trần Thị Minh	Trang	29/12/2000	18 K4	86	138	52	135	4.5	Kiến trúc
76	1851010215	Nguyễn Văn	Linh	29/07/2000	18 K4	87	138	51	135	4.5	Kiến trúc
77	1751010287	Nguyễn Văn	Hòa	22/12/1999	17 K7	90	135	45	105	3.5	Kiến trúc
78	1751010325	Triệu Anh	Tuấn	19/05/1999	17 K3	91	135	44	105	3.5	Kiến trúc
79	1751010297	Vũ Ngọc	Chiến	18/12/1999	17 K3	95	135	40	105	3.5	Kiến trúc
80	1851010274	Vũ	Minh	23/01/2000	18 K3	95	138	43	135	4.5	Kiến trúc
81	1851010223	Mạc Thanh	Long	29/11/2000	18 K6	95	138	43	135	4.5	Kiến trúc
82	1751010246	Trần Quốc	Tuấn	15/01/1999	18 K1	96	138	42	105	3.5	Kiến trúc
83	1851010313	Nguyễn Thị Thảo	Phương	14/12/2000	18 K3	98	138	40	135	4.5	Kiến trúc
84	1751010338	Trần Đỗ Quang	Hải	10/03/1999	18 K2	99	138	39	105	3.5	Kiến trúc
85	1651010129	Ngô Phú	Giang	12/05/1998	17 K3	104	135	31	75	2.5	Kiến trúc
86	1751010191	Bùi Duy	Thành	27/01/1999	18 K2	38	138	100	105	3.5	Kiến trúc
87	1851010143	Nguyễn Danh	Hoàng	18/05/2000	19 K1	42	138	96	135	4.5	Kiến trúc
88	1751010102	Phan Thị	Sang	12/07/1999	17 K4	66	135	69	105	3.5	Kiến trúc
89	1751010137	Đào Mạnh	Dũng	08/12/1998	17 K4	71	135	64	105	3.5	Kiến trúc
90	1651010331	Lê Công	Sơn	04/11/1997	17 K6	75	135	60	75	2.5	Kiến trúc
91	1651010142	Nguyễn Bá	Khải	24/04/1998	17 K3	85	135	50	75	2.5	Kiến trúc
92	1651010087	Nguyễn Hữu	Long	25/08/1996	17 K2	87	135	48	75	2.5	Kiến trúc
93	1651010459	Hoàng Bích	Ngọc	30/04/1997	17 K4	93	135	42	75	2.5	Kiến trúc
94	1651010089	Đoàn Mạnh	Lực	13/08/1998	17 K2	94	135	41	75	2.5	Kiến trúc
95	1651010076	Phan Đình	Hoàng	21/04/1998	17 K2	95	135	40	75	2.5	Kiến trúc
96	1858020065	Phạm Quý	Đức	29/04/2000	18 NT1	39	126	87	135	4.5	Nội thất
97	1858020095	Trần Huy	Hoàng	29/02/2000	18 NT4	42	126	84	135	4.5	Nội thất
98	1858020038	Nguyễn Phú	Cường	11/04/2000	18 NT4	53	126	73	135	4.5	Nội thất
99	1958020171	Phạm Thành	Long	04/07/2000	19 NT3	62	126	64	165	5.5	Nội thất
100	1858020086	Nguyễn Minh	Hiếu	23/10/2000	18 NT4	74	126	52	135	4.5	Nội thất
101	1858020238	Nguyễn Hà	Trang	09/09/2000	18 NT3	77	126	49	135	4.5	Nội thất
102	1858020219	Nguyễn Thị Phương	Thảo	02/04/2000	18 NT3	78	126	48	135	4.5	Nội thất
103	1858020148	Bùi Khánh	Ly	12/02/2000	18 NT1	79	126	47	126	DT	Nội thất
104	1758020100	Đinh Việt	Hoàng	05/01/1999	17 NT2	86	125	39	105	3.5	Nội thất

105	1758020001	Đinh Trung	Anh	31/12/1995	17 NT1	87	125	38	105	3.5	Nội thất
106	1858020070	Nguyễn Triệu	Hải	21/09/2000	18 NT2	26	126	100	135	4.5	Nội thất
107	1858020227	Nguyễn Văn	Thuận	02/05/2000	18 NT2	29	126	97	135	4.5	Nội thất
108	1858020055	Ngô Thùy	Dương	20/08/2000	18 NT1	31	126	95	135	4.5	Nội thất
109	1858020264	Giang Vũ Thảo	Vy	21/11/2000	18 NT4	31	126	95	135	4.5	Nội thất
110	1858020146	Nguyễn Xuân Vũ	Long	11/04/2000	18 NT4	32	126	94	135	4.5	Nội thất
111	2053010158	Nguyễn Hoàng	Sơn	20/08/2002	20 KX2	14	126	112	195	6.5	QLĐT
112	1951080099	Lê Trung	Nghĩa	18/05/2001	19 QL3	18	130	112	165	5.5	QLĐT
113	2053010152	Điêu Trọng	Quế	29/04/2002	20 KX3	23	126	103	195	6.5	QLĐT
114	1951080118	Trần Nguyễn Như	Quỳnh	10/10/2001	19 QL1	35	130	95	165	5.5	QLĐT
115	2051080114	Nguyễn Thanh	Lâm	25/07/2002	20 QL2	4	130	126	195	6.5	QLĐT
116	1853010160	Trần Thu	Trang	18/11/2000	18 KX2	46	126	80	135	4.5	QLĐT
117	1753010090	Phạm Thanh	Dương	23/02/1999	17 KX2	47	126	79	126	DT	QLĐT
118	1851080013	Nguyễn Tiến	Anh	25/05/2000	18 QL3	50	130	80	135	4.5	QLĐT
119	1851080093	Nguyễn Minh	Quang	30/08/2000	18 QL1	59	130	71	135	4.5	QLĐT
120	1951080048	Nguyễn Tuấn	Hải	27/01/2001	19 QL3	60	130	70	130	DT	QLĐT
121	1753010024	Nguyễn Thị Thu	Trang	05/05/1999	17 KX2	72	126	54	105	3.5	QLĐT
122	1951080127	Nguyễn Mạnh	Tùng	29/11/2001	19 QL1	78	130	52	165	5.5	QLĐT
123	1951080063	Lã Ngọc	Huyền	03/04/2001	19 QL3	80	130	50	165	5.5	QLĐT
124	1853010136	Phạm Thanh	Tùng	23/05/2000	18 KX1	15	126	111	135	4.5	QLĐT
125	1751080034	Lê Anh	Đức	23/05/1999	17 QL2	54	130	76	105	3.5	QLĐT
126	1651080098	Phan Trang	Trọng	08/07/1998	18 QL2	97	130	33	75	2.5	QLĐT
127	1752010003	Lương Bá	Huy	25/08/1999	17 KTC(	100	136	36	105	3.5	Quy hoạch
128	1851020065	Phan Khánh	Linh	19/11/1999	18 Q2	104	136	32	135	4.5	Quy hoạch
129	1651020110	Nguyễn Hữu	Khá	13/12/1998	18 Q3	107	136	29	75	2.5	Quy hoạch
130	1852010003	Nguyễn Hữu Quốc	Anh	21/10/2000	18 KTC(	110	139	29	135	4.5	Quy hoạch
131	1652010033	Nguyễn Đặng Tùng	Lâm	23/01/1998	17 KTC(	113	139	26	75	2.5	Quy hoạch
132	1951020098	Phạm Vũ Hồng	Phúc	27/05/2001	19 Q2	18	136	118	165	5.5	Quy hoạch
133	1951020088	Trần Trung	Nam	28/12/2001	19 Q1	50	136	86	165	5.5	Quy hoạch
134	1951020120	Lê Thành Thanh	Tuấn	27/04/2001	19 Q3	53	136	83	165	5.5	Quy hoạch
135	1851020050	Nguyễn Thái	Hưng	01/12/2000	18 Q2	61	136	75	135	4.5	Quy hoạch
136	1951020053	Nguyễn Huy	Hoàng	09/11/2001	19 Q2	63	136	73	165	5.5	Quy hoạch
137	1851020054	Hoàng Minh	Khải	15/08/2000	18 Q3	70	136	66	135	4.5	Quy hoạch
138	1851020077	Nguyễn Đức	Mạnh	24/04/2000	18 Q2	71	136	65	135	4.5	Quy hoạch
139	1851020055	Nguyễn Văn	Khải	15/12/2000	18 Q1	81	136	55	135	4.5	Quy hoạch
140	1751020032	Nguyễn Huy	Lộc	14/05/1997	17 Q2	90	136	46	105	3.5	Quy hoạch
141	1751020014	Triệu Quang	Sơn	20/06/1999	17 Q2	99	136	37	136	DT	Quy hoạch

142	1851020141	Trịnh Thế	Vũ	30/11/2000	18 Q3	16	136	120	135	4.5	Quy hoạch
143	1851020029	Nguyễn Phú Minh	Đức	04/07/2000	18 Q2	38	136	98	135	4.5	Quy hoạch
144	1851020127	Nguyễn Thị Thùy	Trang	21/08/2000	18 Q1	42	136	94	135	4.5	Quy hoạch
145	1751020075	Nguyễn Thành	Trung	15/05/1999	17 Q3	44	136	92	105	3.5	Quy hoạch
146	1851020023	Đào Khánh	Duy	28/09/2000	18 Q2	45	136	91	135	4.5	Quy hoạch
147	1651020069	Phạm Hải	Long	29/03/1998	18 Q2	74	136	62	75	2.5	Quy hoạch
148	1651020005	Đinh Hà	Chung	04/03/1998	18 Q1	74	136	62	75	2.5	Quy hoạch
149	1651020109	Đoàn Thị	Hậu	17/12/1998	17 Q3	92	136	44	75	2.5	Quy hoạch
150	1858010136	Nguyễn Văn	Ngọc	21/11/2000	18 DH2	60	125	65	135	4.5	TKMT
151	1758010025	Nguyễn Hà	Trang	09/04/1998	18 DH2	59	125	66	105	3.5	TKMT
152	1851015042	Hoàng Bảo	Long	13/07/2000	20 KTT	110	151	41	135	4.5	Viện ĐT
153	1651010442	Nguyễn Xuân Hoàng	Tuấn	08/02/1998	16 KTT	171	218	47	75	2.5	Viện ĐT
154	1651010407	Tăng Hùng	Cường	05/04/1998	16 KTT	172	218	46	75	2.5	Viện ĐT
155	1751010549	Nguyễn Quang	Tiệp	05/03/1999	17 KTT	182	218	36	105	3.5	Viện ĐT
156	1951015036	Phạm Quốc	Huy	25/06/2001	21 KTT2	44	151	107	165	5.5	Viện ĐT
157	1951015061	Cao Nguyễn Đức	Nguyên	24/12/2001	21 KTT3	52	151	99	165	5.5	Viện ĐT
158	1951015053	Nguyễn Nhật	Minh	07/10/2001	21 KTT3	65	151	86	165	5.5	Viện ĐT
159	1951015039	Đinh Nam	Khánh	24/08/2001	21 KTT3	71	151	80	165	5.5	Viện ĐT
160	1951015105	PHONEPASEUTH SIS		03/11/1999	21 KTT2	81	151	70	165	5.5	Viện ĐT
161	1851015033	Lê Trung	Kiên	30/07/2000	20 KTT	88	151	63	135	4.5	Viện ĐT
162	1851015034	Lường Trung	Kiên	04/04/2000	20 KTT	98	151	53	151	DT	Viện ĐT
163	1751030269	Nguyễn Văn	Khuê	19/09/1999	17 X2	100	131	31	105	3.5	Xây dựng
164	1751070033	Đinh Hữu	Nam	03/07/1999	19 XN	101	131	30	105	3.5	Xây dựng
165	1851030013	Nguyễn Ngọc	Anh	07/09/2000	18 X5	102	131	29	135	4.5	Xây dựng
166	1851030221	Nguyễn Hải	Nam	03/02/2000	18 X5	103	131	28	135	4.5	Xây dựng
167	1751030105	Phạm Thiện	Quang	30/01/1999	17 X4	104	131	27	105	3.5	Xây dựng
168	1851030342	Nguyễn Đức Nam	Trường	17/04/2000	18 X2	105	131	26	135	4.5	Xây dựng
169	1651030212	Nguyễn Văn	Bảo	28/03/1998	18 X5	105	131	26	75	2.5	Xây dựng
170	1751030126	Nguyễn Chí	Hiển	26/11/1999	17 X2	112	131	19	105	3.5	Xây dựng
171	1751030136	Nguyễn Duy	Cường	05/03/1999	17 X3	116	131	15	105	3.5	Xây dựng
172	1651030252	Đinh Công	Thịnh	16/04/1998	17 X5	125	131	6	75	2.5	Xây dựng
173	1951030164	Nguyễn Chính	Siêu	22/05/2001	19 X3	13	131	118	165	5.5	Xây dựng
174	1951030047	Nguyễn Đình	Duy	11/11/2001	19 X4	20	131	111	165	5.5	Xây dựng
175	2051030143	Phạm Long	Vũ	22/04/2002	20 X2	20	131	111	195	6.5	Xây dựng
176	1951030071	Bùi Đức	Hiếu	10/11/2001	19 X2	23	131	108	165	5.5	Xây dựng
177	1951030130	Vũ Đức	Mạnh	14/09/2001	19 X2	30	131	101	165	5.5	Xây dựng
178	1951030149	Nguyễn Đình	Phi	01/01/2001	19 X2	32	131	99	165	5.5	Xây dựng

179	1951030052	Trần Đăng	Dương	10/07/2001	19 X4	37	131	94	165	5.5	Xây dựng
180	1951090004	Trần Quang	Hưng	07/02/2001	19 VL	37	131	94	165	5.5	Xây dựng
181	2051030111	Đỗ Anh	Sơn	22/01/2001	20 X1	4	131	127	195	6.5	Xây dựng
182	1851030299	Đặng Hà Việt	Tùng	14/08/2000	18 X2	46	131	85	135	4.5	Xây dựng
183	1851030291	Đoàn Anh	Tuấn	03/02/2000	19 X2	46	131	85	135	4.5	Xây dựng
184	1951030085	Cao Thái	Hoàng	09/10/2001	19 X4	49	131	82	165	5.5	Xây dựng
185	*1951030150	Bùi Đức	Phong	20/11/2001	19 X3	50	131	81	165	5.5	Xây dựng
186	1851030165	Nguyễn Trung	Kiên	05/11/2000	18 X2	53	131	78	135	4.5	Xây dựng
187	1851030274	Thiều Văn	Tân	04/05/1998	18 X2	59	131	72	135	4.5	Xây dựng
188	1851030108	Nguyễn Văn	Hải	30/08/2000	18 X4	62	131	69	135	4.5	Xây dựng
189	1851030277	Tạ Anh	Tiến	02/01/2000	18 X4	64	131	67	135	4.5	Xây dựng
190	1851030288	Hoàng Ngọc	Tú	01/11/2000	18 X4	64	131	67	135	4.5	Xây dựng
191	1951030206	Nguyễn Văn Bảo	Trí	11/12/2001	19 X3	66	131	65	165	5.5	Xây dựng
192	1851030022	Triệu Tuấn	Anh	21/08/2000	18 X5	67	131	64	135	4.5	Xây dựng
193	1451031012	Sùng A	Chư	02/07/93	17 X5	67	131	64	131	DT	Xây dựng
194	1951030025	Mai Thế	Cường	14/07/2001	19 X4	68	131	63	165	5.5	Xây dựng
195	1951030218	Trương Thế	Vương	11/06/2001	19 X4	68	131	63	165	5.5	Xây dựng
196	1951030050	Nguyễn Đức	Dương	31/01/2001	19 X3	70	131	61	165	5.5	Xây dựng
197	1851030195	Nguyễn Hữu	Long	03/04/2000	18 X1	72	131	59	135	4.5	Xây dựng
198	1951030042	Phạm Hoàng	Dũng	20/09/2001	19 X3	72	131	59	165	5.5	Xây dựng
199	1751030234	Bùi Trung	Thành	17/02/1999	17 X2	74	131	57	105	3.5	Xây dựng
200	1951070006	Nguyễn Quang	Thắng	28/09/2001	19 XN	74	131	57	165	5.5	Xây dựng
201	1551031004	Bùi Thị Lý	Mai	11/10/1996	17 X4	77	131	54	131	DT	Xây dựng
202	1851030034	Hoàng Quốc	Cường	31/03/1997	18 X1	78	131	53	135	4.5	Xây dựng
203	1851030270	Nguyễn Văn	Sỹ	04/01/2000	18 X5	79	131	52	135	4.5	Xây dựng
204	1851070014	Trần Đại	Hiệp	09/08/1999	18 XN	81	131	50	135	4.5	Xây dựng
205	1951030157	Bùi Duy	Quang	25/10/2001	19 X1	82	131	49	165	5.5	Xây dựng
206	1951030119	Đinh Ngọc	Linh	13/03/2001	19 X1	83	131	48	165	5.5	Xây dựng
207	1951030152	Hoàng Quang	Phong	12/02/2001	19 X1	83	131	48	165	5.5	Xây dựng
208	1751030067	Trần Văn	Nam	28/09/1999	18 X4	83	131	48	105	3.5	Xây dựng
209	1851030163	Ngô Tống	Kiên	30/12/2000	18 X1	84	131	47	135	4.5	Xây dựng
210	1851030206	Nguyễn Văn	Lộc	16/06/1999	19 X4	84	131	47	135	4.5	Xây dựng
211	1951070001	Nguyễn Văn	An	27/04/2001	19 XN	84	131	47	165	5.5	Xây dựng
212	1751030151	Đào Trung	Thanh	24/03/1999	17 X4	85	131	46	105	3.5	Xây dựng
213	1951070005	Nguyễn Đức Phú	Thành	28/08/2001	19 XN	85	131	46	165	5.5	Xây dựng
214	1851030036	Nguyễn Quốc	Cường	14/09/2000	18 X2	87	131	44	135	4.5	Xây dựng
215	1951030161	Nguyễn Mạnh	Quân	31/01/2001	19 X1	90	131	41	165	5.5	Xây dựng

216	1751030131	Phạm Hoàng Thanh	Phong	31/01/1999	17 X4	93	131	38	105	3.5	Xây dựng
217	1951090008	Hoàng Công	Tài	07/09/2001	19 VL	94	131	37	165	5.5	Xây dựng
218	1751030301	Bùi Như	ý	11/11/1999	18 X5	94	131	37	105	3.5	Xây dựng
219	1951030233	Phạm Huy	Hưng	14/07/2001	19 X1	96	131	35	165	5.5	Xây dựng
220	1851030061	Vũ Đình	Dương	07/03/2000	18 X1	96	131	35	135	4.5	Xây dựng
221	1851030109	Nguyễn Vũ Hoàng	Hải	22/04/2000	18 X1	97	131	34	135	4.5	Xây dựng
222	1851030190	Lại Việt	Long	10/12/2000	18 X2	97	131	34	135	4.5	Xây dựng
223	1851030257	Lê Xuân	Quỳnh	01/01/2000	18 X3	97	131	34	135	4.5	Xây dựng
224	1751030108	Trương Tuấn	Hải	23/10/1999	18 X3	26	131	105	105	3.5	Xây dựng
225	1851030207	Đỗ Thành	Luân	10/05/2000	18 X4	31	131	100	135	4.5	Xây dựng
226	1851030141	Vũ Công	Hùng	14/09/2000	18 X5	36	131	95	135	4.5	Xây dựng
227	1851030349	Nguyễn Bá	Việt	16/11/2000	18 X1	37	131	94	135	4.5	Xây dựng
228	1951030109	Bùi Tuấn	Kiệt	08/11/2001	19 X2	4	131	127	165	5.5	Xây dựng
229	1951030240	Phạm Hoàng	Anh	24/10/2001	19 X4	4	131	127	165	5.5	Xây dựng
230	1751030002	Nguyễn Ngọc	Quang	28/01/1999	17 X2	60	131	71	105	3.5	Xây dựng
231	1751030039	Nguyễn Bá	Nam	25/05/1999	19 X4	62	131	69	105	3.5	Xây dựng
232	1751030125	Dương Trung	Hiếu	16/10/1999	17 X5	66	131	65	105	3.5	Xây dựng
233	1651070025	Đinh Ngọc	Khải	22/01/1998	17 XN	72	131	59	75	2.5	Xây dựng
234	1951030223	Trần Hải	Anh	08/05/2001	19 X1	8	131	123	165	5.5	Xây dựng
235	1951030176	Lê Vạn	Toan	01/03/2001	19 X3	8	131	123	165	5.5	Xây dựng
236	1651090025	Nguyễn Thành	Sơn	02/05/1998	17 VL	81	131	50	75	2.5	Xây dựng
237	1651030054	Phạm Bá	An	02/04/1998	17 X2	86	131	45	75	2.5	Xây dựng
238	1651030045	Phạm Đình	Tiệp	06/06/1998	17 X1	86	131	45	75	2.5	Xây dựng
239	1651090017	Ngô Sỹ	Long	27/04/1998	17 VL	92	131	39	75	2.5	Xây dựng
240	1651030069	Lê Minh	Hiếu	09/12/1998	16 X2	98	131	33	75	2.5	Xây dựng

BẢNG 3: DANH SÁCH SINH VIÊN TỰ Ý BỎ HỌC

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Tình trạng hiện tại	Năm còn lại	Khoa, Viện
1	2155020098	Lê Thị Quỳnh	Trang	28/08/2002	21 CDP2	Nghỉ kỳ 2/21-22 (14/02/2023 - nghỉ 01 năm)	10	Công nghệ TT
2	1851010082	Phan Tuấn	Đạt	08/12/2000	18 K6	Nghỉ kỳ 1/21-22 (xin nghỉ từ 22/09/2021)	5	Kiến trúc
3	1951010158	Hồ Mạnh	Hùng	05/07/2001	19 K1	Nghỉ kỳ 2/21-22 (14/02/2021)	6	Kiến trúc
4	1951010307	Đỗ Thị	Phượng	27/09/2001	19 K3	Nghỉ kỳ 1/21-22 (10/09/2021)	6	Kiến trúc
5	2051010373	Nguyễn Vân	Trang	23/06/2002	20 K2	Nghỉ kỳ 2/21-22 (Thủ tục làm trước)	7	Kiến trúc
6	1758020095	Lê Đức	Anh	08/01/1998	17 NT1	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	4	Nội thất
7	1758020005	Đỗ Ngọc	Hân	19/09/1998	17 NT1	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	4	Nội thất
8	1758020016	Vũ Thu	Huyền	16/11/1999	17 NT2	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	4	Nội thất
9	1758020098	Lê Anh	Tuấn	26/03/1999	17 NT2	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	DT	Nội thất
10	1958020055	Nguyễn Thị	Chinh	29/06/2001	19 NT1	Nghỉ kỳ 1/21-22 (30/07/2021)	6	Nội thất
11	1958020098	Hà Ngọc	Hân	13/07/2001	19 NT2	Nghỉ kỳ 2/21-22 (Xin nghỉ từ 19/01/2022)	6	Nội thất
12	1958020298	Nguyễn Phương	Trinh	28/12/2001	19 NT4	Nghỉ kỳ 2/21-22 (27/01/2022)	6	Nội thất
13	1958020125	Đoàn Thị Quỳnh	Hương	17/12/2001	19 NT5	Nghỉ kỳ 1/21-22 (07/09/2021)	DT	Nội thất
14	2058020042	Trần Đức	Anh	27/02/2002	20 NT2	Nghỉ kỳ 2/21-22 (Xin nghỉ từ 19/01/2022)	7	Nội thất
15	1952010030	Trần Xuân	Lộc	09/02/2001	19 KTCQ	Nghỉ kỳ 2/21-22 (Xin nghỉ 05/01/2022)	6	Quy hoạch
16	1951020153	Lê Tuấn	Vũ	15/11/1999	19 Q3	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	6	Quy hoạch
17	1851080023	Nguyễn Đắc	Bình	14/08/2000	18 QL3	Nghỉ kỳ 2/21-22 (27/01/2022)	5	Quản lý đô thị
18	1951080064	Nguyễn Thị Minh	Huyền	11/10/2001	19 QL1	Nghỉ kỳ 1/21-22 (05/09/2021)	6	Quản lý đô thị
19	1753010095	Mai Ngọc	Ánh	24/09/1999	21 KX1	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	4	Quản lý đô thị
20	1758010033	Vũ Thị	Thanh	08/05/1999	17 DH	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	4	Thiết kế MT
21	1758040002	Ngô Thị Thu	Trang	13/02/1999	17 TT	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	4	Thiết kế MT
22	1958010086	Nguyễn	Huỳnh	28/05/2001	19 DH2	Nghỉ kỳ 1/21-22 (05/09/2021)	6	Thiết kế MT
23	1958010191	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/05/2001	19 DH3	Nghỉ kỳ 2/21-22 (13/01/2022)	6	Thiết kế MT
24	1958010052	Vũ Thị	Dương	01/03/2001	19 DH4	Nghỉ kỳ 2/21-22 (13/01/2022)	6	Thiết kế MT
25	1958040025	Bùi Thị Châu	Giang	23/08/2001	19 TT1	Nghỉ kỳ 2/21-22 (21/02/2022 - sinh con)	DT	Thiết kế MT
26	1758030010	Lê Đức	Thắng	19/07/1999	21 DK	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	4	Thiết kế MT
27	1951015081	Nguyễn Trung	Thành	08/10/2001	19 KTT1	Nghỉ kỳ 2/21-22 925/01/2022)	6	Viện ĐT-HTQT
28	2051015063	Nguyễn Đình	Dương	06/12/2002	20 KTT	Nghỉ kỳ 2/21-22 (Nhip 2 - 31/05/2022)	7	Viện ĐT-HTQT
29	2151015069	Nguyễn Hồng	Linh	05/06/2003	21 KTT1	Nghỉ kỳ 2/21-22 (Xin nghỉ từ 19/01/2022)	9	Viện ĐT-HTQT
30	1651031002	Nguyễn Hoàng	Nam	21/04/1997	17 X4	Đình chỉ kỳ 1/21-22 vì không đăng ký học (07	DT	Xây dựng
31	1551031005	Nguyễn Hoài	Sơn	28/01/1996	18 X5	Đình chỉ kỳ 1/21-22 vì không đăng ký học (07	2	Xây dựng
32	1751030320	NULIN PANJALITH		09/08/1996	19 X3	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	4	Xây dựng

33	1751030209	Ngô Vương	Khải	13/05/1999	19 X4	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	4	Xây dựng
34	2051030071	Lưu Văn	Kiên	30/03/2002	20 X2	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	7	Xây dựng
35	1754010090	Đinh Tuấn	Cường	07/06/1999	21 GT	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	4	Đô thị
36	1751040106	Nguyễn Thành	Đại	04/02/1999	21 N	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	4	Đô thị

BẢNG 4: DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2014, 2015 VÀ 2014KTT ĐANG LÀM ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP NHƯNG CÒN NỢ MÔN, CÒN KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH SAU KHI ĐƯỢC GIA HẠN THỜI GIAN HỌC TẬP

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Tình trạng hiện tại	TC TL	TC còn thiếu	TC phải TL	TC còn có thể TL	Năm còn lại	Khoa
1	1451040102	Vũ Anh	Nguyên	26/10/95	17 N1	Nhận ĐATN đợt 1/22-23 BS (Đã gia hạn học tậ	141	0	141	15	0.5	Đô thị
2	1451050067	Vũ Thị Song	Phương	04/08/96	14 D1	Nhận ĐATN đợt 1/18-19 BS (Đã gia hạn học tậ	140	0	140	15	0.5	Đô thị
3	1551040007	Hoàng Gia	Khải	10/12/1997	17 N2		123	18	141	45	1.5	Đô thị
4	1551040020	Chu Linh	Hiệp	29/07/1997	17 N1		110	31	141	45	1.5	Đô thị
5	1551040041	Lê Đình	Mạnh	09/12/1997	17 N2	Nhận ĐATN đợt 1/22-23 (31/08/2022)	141	0	141	45	1.5	Đô thị
6	1551040051	Phạm Hồng	Quang	04/12/1996	15 N2	Nhận ĐATN đợt 1/2019-2020	135	4	139	45	1.5	Đô thị
7	1551040058	Nguyễn Việt	Hưng	04/12/1993	16 N1	Nhận ĐATN đợt 2/21-22 (01/04/2022	139	0	139	45	1.5	Đô thị
8	1551040068	Nguyễn Việt	Hoàng	06/07/1997	19 N		122	19	141	45	1.5	Đô thị
9	1551040069	Phan Đức	Chung	02/02/1997	17 N1	Nhận ĐATN đợt 2/22-23 (17/02/2023)	128	13	141	45	1.5	Đô thị
10	1551040085	Nguyễn Văn	Thắng	19/11/1997	17 N2		118	23	141	45	1.5	Đô thị
11	1551040087	Hoàng Việt	Hưng	07/03/1997	17 N2	Nhận ĐATN đợt 2/22-23 (17/02/2023)	141	0	141	45	1.5	Đô thị
12	1551040106	Vũ Công	Đức	31/10/1995	16 N1	Nhận ĐATN đợt 2/21-22 (01/04/2022	139	0	139	45	1.5	Đô thị
13	1551040118	Đặng Nghĩa	Vụ	04/11/1997	17 N1		105	36	141	45	1.5	Đô thị
14	1551040119	Lê Văn	Vinh	07/09/1997	15 N2	Nhận ĐATN đợt 1/20-21(06/10/2020)	135	4	139	45	1.5	Đô thị
15	1551040136	Phạm Văn	Minh	18/05/1997	17 N1		129	12	141	45	1.5	Đô thị
16	1551040146	Nguyễn Đại	Hải	05/09/1997	17 N1	Nhận ĐATN đợt 2/22-23 (17/02/2023)	129	12	141	45	1.5	Đô thị
17	1551040153	Lê Văn	Lộng	18/12/1996	17 N1		126	15	141	45	1.5	Đô thị
18	1551050002	Hoàng Tú	Tài	18/04/1997	17 D2		125	16	141	45	1.5	Đô thị
19	1551050003	Nguyễn Minh	Hải	25/11/1997	17 D2		123	18	141	45	1.5	Đô thị
20	1551050005	Nhữ Tuấn	Anh	11/10/1997	17 D2		129	12	141	45	1.5	Đô thị
21	1551050018	Đoàn Văn	Giang	18/10/1997	17 D2		126	15	141	45	1.5	Đô thị
22	1551050019	Nguyễn Trọng	Thiệu	02/06/1996	15 D2	Nhận ĐATN đợt 2/20-21 (25/03/2021)	138	2	140	45	1.5	Đô thị
23	1551050022	Đào Bá	Hưng	31/08/1997	15 D2	Nhận ĐATN đợt 2/21-22 (01/04/2022)	127	13	140	45	1.5	Đô thị
24	1551050071	Lê Tiến	Cao	25/07/1997	17 D1		129	12	141	45	1.5	Đô thị
25	1551050089	Trịnh Bảo	Minh	23/06/1997	17 D2	Đình chỉ kỳ 2/22-23 vì NHP (28/06/2023)	103	28	141	45	1.5	Đô thị
26	1551060012	Phan Văn	Khải	05/10/1997	15 M	Nhận ĐATN đợt 2/20-21 (25/03/2021)	143	3	146	45	1.5	Đô thị
27	1551060016	Lê Thanh	Ngà	19/11/1997	17 M		102	45	147	45	1.5	Đô thị
28	1551060026	Lưu Hồ Mạnh	Hưng	01/04/1997	17 M		108	39	147	45	1.5	Đô thị

29	1551060030	Đỗ Đức	Trung	22/10/1995	17 M		110	37	147	45	1.5	Đô thị
30	1551060043	Nguyễn Quý	Chinh	29/01/1997	17 M		118	29	147	45	1.5	Đô thị
31	1551010016	Nguyễn Chí	Tuấn	09/10/1992	17 K7		123	26	149	45	1.5	Kiến trúc
32	1551010022	Vũ Huy	Hoàng	17/02/1997	17 K3		119	30	149	45	1.5	Kiến trúc
33	1551010024	Cấn Thanh	Tuấn	01/10/1997	17 K1		117	32	149	45	1.5	Kiến trúc
34	1551010032	Đinh Gia	Luân	17/10/1996	15 K5	Nhận ĐATN đợt 1/22-23 (08/03/2023)	137	12	149	45	1.5	Kiến trúc
35	1551010038	Nguyễn Trung	Hiếu	09/02/1997	17 K5	Nhận ĐATN đợt 2/21-22(19/10/2022)	158	2	149	45	1.5	Kiến trúc
36	1551010049	Bùi Anh	Linh	01/08/1997	17 K5		121	28	149	45	1.5	Kiến trúc
37	1551010060	Nguyễn Huy	Thành	22/02/1995	17 K5		106	43	149	45	1.5	Kiến trúc
38	1551010063	Cao Văn	Sơn	21/04/1997	17 K7	Nhận ĐATN đợt 2/21-22(19/10/2022)	145	4	149	45	1.5	Kiến trúc
39	1551010074	Nguyễn Tuấn	Vũ	12/08/1996	17 K4		110	39	149	45	1.5	Kiến trúc
40	1551010080	Lê Văn	Quân	04/06/1996	17 K1	Nhận ĐATN đợt 1/22-23 (08/03/2023)	138	11	149	45	1.5	Kiến trúc
41	1551010082	Hoàng Tuấn	Vũ	09/04/1997	17 K5		122	27	149	45	1.5	Kiến trúc
42	1551010089	Lê Công Tuấn	Minh	07/01/1997	15 K6	Nhận ĐATN đợt 1/21-22 (29/03/2022)	149	0	149	45	1.5	Kiến trúc
43	1551010090	Tô Trần	Lương	30/04/1998	17 K4		118	31	149	45	1.5	Kiến trúc
44	1551010114	Nguyễn Thành	Tôn	19/10/1997	17 K5		118	31	149	45	1.5	Kiến trúc
45	1551010115	Nguyễn Trung	Kiên	02/08/1996	15 K3	Nhận ĐATN đợt 2/20-21 (25/09/2021)	146	3	149	45	1.5	Kiến trúc
46	1551010116	Nguyễn Quang	Hùng	05/04/1997	17 K5		119	30	149	45	1.5	Kiến trúc
47	1551010130	Nguyễn Quốc	Huy	18/05/1997	17 K2		126	23	149	45	1.5	Kiến trúc
48	1551010165	Nguyễn Thanh	Tùng	28/12/1997	15 K2	Nhận ĐATN đợt 1/19-20 (06/03/2020)	147	2	149	45	1.5	Kiến trúc
49	1551010173	Tô Đức	Thiên	07/10/1997	15 K2	Nhận ĐATN đợt 2/19-20 (11/10/2020)	149	0	149	45	1.5	Kiến trúc
50	1551010176	Nguyễn Văn	Thanh	30/05/1997	17 K7		119	30	149	45	1.5	Kiến trúc
51	1551010178	Nguyễn Việt	Hùng	12/05/1996	15 K7	Nhận ĐATN đợt 1/20-21 (17/02/2021)	147	2	149	45	1.5	Kiến trúc
52	1551010202	Nguyễn Xuân	Minh	24/12/1996	15 K5	Nhận ĐATN đợt 1/20-21 (17/02/2021)	149	0	149	45	1.5	Kiến trúc
53	1551010234	Chu Thị	Phượng	31/07/1996	17 K5		123	26	149	45	1.5	Kiến trúc
54	1551010235	Phạm Quốc	Mạnh	28/04/1997	15 K3	Nhận ĐATN đợt 1/21-22 (29/03/2022)	146	3	149	45	1.5	Kiến trúc
55	1551010243	Nguyễn Văn	Vụ	21/05/1997	17 K6		134	15	149	45	1.5	Kiến trúc
56	1551010251	Lê Thị Thu	Hương	08/03/1997	17 K7		118	31	149	45	1.5	Kiến trúc
57	1551010258	Nguyễn Anh	Tuấn	25/03/1997	15 K7	Đình chỉ TN (20/01/2022)	134	15	149	45	1.5	Kiến trúc
58	1551010266	Trần Bá Tùng	Dương	01/12/1997	15 K2	Đình chỉ TN (09/07/2021)	135	14	149	45	1.5	Kiến trúc
59	1551010285	Nguyễn Hữu	Mạnh	13/11/1997	17 K6		114	35	149	45	1.5	Kiến trúc
60	1551010286	Nguyễn Ngọc	Định	23/10/1997	17 K7	Đình chỉ TN (17/07/2023)	138	11	149	45	1.5	Kiến trúc
61	1551010294	Trần Đan	Trường	02/05/1997	15 K5	Đình chỉ TN (09/07/2021)	137	12	149	45	1.5	Kiến trúc
62	1551010298	Nguyễn Quốc	Đạt	10/09/1997	15 K5	Nhận ĐATN đợt 2/19-20 (11/10/2020)	149	0	149	45	1.5	Kiến trúc
63	1551010301	Phan Ngọc	Quỳnh	19/12/1997	17 K5	Đình chỉ kỳ 2/22-23 vì NHP (28/06/2023)	125	24	149	45	1.5	Kiến trúc
64	1551010314	Hạng Duy	Khánh	08/02/1995	17 K7		115	34	149	45	1.5	Kiến trúc
65	1551010336	Đoàn Huy	Dương	16/01/1997	17 K7		124	25	149	45	1.5	Kiến trúc
66	1551010339	Đặng Gia	Bách	05/01/1997	17 K5	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	147	2	149	45	1.5	Kiến trúc

67	1551010341	Ngô Thị ánh	Dương	11/11/1997	17 K3		115	34	149	45	1.5	Kiến trúc
68	1551010344	Nguyễn Trọng	Thắng	10/06/1997	17 K7	Đình chỉ TN (17/07/2023)	135	14	149	45	1.5	Kiến trúc
69	1551010346	Phạm Hoàng	Anh	24/09/1997	15 K3	Nhận ĐATN đợt 1/21-22 (29/03/2022)	149	0	149	45	1.5	Kiến trúc
70	1551010348	Đỗ Trọng	Hoàn	16/06/1997	15 K2	Đình chỉ TN (09/02/2022)	137	12	149	45	1.5	Kiến trúc
71	1551010349	Trần Thị Phương	Linh	13/10/1996	17 K3	Đình chỉ kỳ 2/22-23 vì NHP (28/06/2023)	112	37	149	45	1.5	Kiến trúc
72	1551010359	Trần Quốc	Tuấn	15/02/1996	17 K3	Đình chỉ kỳ 2/22-23 vì NHP (28/06/2023)	134	15	149	45	1.5	Kiến trúc
73	1551010500	Lê Quỳnh	Phương	29/06/1997	17 K4		128	21	149	45	1.5	Kiến trúc
74	1558020003	Khuất Thị	Hòa	10/08/1996	17 NT1		109	29	138	45	1.5	Nội thất
75	1558020009	Hồ Hữu	Nhiên	27/01/1996	17 NT1		116	22	138	45	1.5	Nội thất
76	1558020012	Dương Tiến	Đạt	24/07/1996	17 NT1		106	32	138	45	1.5	Nội thất
77	1558020023	Nguyễn Thị	Phượng	14/04/1997	17 NT1	Đình chỉ kỳ 2/21-22 vì tự ý bỏ học	110	28	138	45	1.5	Nội thất
78	1558020064	Lương Bá	Long	27/06/1996	17 NT1		101	37	138	45	1.5	Nội thất
79	1558020066	Nguyễn Huy	Điệp	24/03/1996	15 NT1	Nhận ĐATN đợt 1/19-20 bổ sung	135	3	138	45	1.5	Nội thất
80	1558020079	Nguyễn Ngọc	Ước	15/02/1997	15 NT1	Nhận ĐATN đợt 1/19-20 (01/10/2019)	123	15	138	45	1.5	Nội thất
81	1558020090	Vũ Thị	Yến	13/04/1996	17 NT2		108	30	138	45	1.5	Nội thất
82	1551080029	Trịnh Quang	Anh	23/03/1997	15 QL2	Nhận ĐATN đợt 1/19-20 (03/09/2019)	136	14	150	45	1.5	QLĐT
83	1551080059	Nguyễn Thành	Sang	20/06/1997	15 QL2	Nhận ĐATN đợt 2/20-21 (06/05/2021)	139	11	150	45	1.5	QLĐT
84	1551080066	Nguyễn Tiến	DũngA	11/09/1997	15 QL1	Nhận ĐATN đợt 1/19-20 (03/09/2019)	136	14	150	45	1.5	QLĐT
85	1551080073	Hoàng Trung	Hiếu	02/11/1997	17 QL2	Nhận ĐATN đợt 2/22-23 (14/04/2023)	130	20	150	45	1.5	QLĐT
86	1551080079	Nguyễn Bá	Đức	01/11/1996	17 QL2		116	34	150	45	1.5	QLĐT
87	1551080088	Vũ Minh	Khải	16/11/1997	17 QL2		117	33	150	45	1.5	QLĐT
88	1551080134	Hà Thành	Quang	06/05/1997	17 QL1		116	34	150	45	1.5	QLĐT
89	1553010117	Nguyễn Chí	Thắng	03/01/1997	15 KX1	Nhận ĐATN đợt 2/19-20 (10/06/2020)	135	1	136	45	1.5	QLĐT
90	1553010130	Hoàng Văn	Phương	08/06/1996	17 KX2		124	12	136	45	1.5	QLĐT
91	1553010136	Trần Văn	Lịch	19/05/1995	17 KX1		124	12	136	45	1.5	QLĐT
92	1553010167	Nguyễn Văn	Chiến	21/08/1997	15 KX1	Nhận ĐATN đợt 2/19-20 (10/06/2020)	125	11	136	45	1.5	QLĐT
93	1553010181	Nguyễn Quang	Tú	21/08/1997	15 KX1	Nhận ĐATN đợt 2/19-20 (10/06/2020)	133	3	136	45	1.5	QLĐT
94	1451020048	Nguyễn Thái	Hà	30/10/96	14 Q3	Nhận ĐATN đợt 1/19-20 (Đã gia hạn học tập 1	158	0	158	15	0.5	Quy hoạch
95	1451020144	Nguyễn Thế	Thắng	12/12/94	15 Q3	Nhận ĐATN đợt 1/19-20 (Đã gia hạn học tập 1	159	0	159	15	0.5	Quy hoạch
96	1451020178	Hoàng Đình	Vinh	21/11/96	14 Q1	Đình chỉ TN (13/01/2021) (Đã gia hạn học tập 1	158	0	158	15	0.5	Quy hoạch
97	1452010043	Nguyễn Trung	Kiên	01/07/96	14 KTCQ	Nhận ĐATN đợt 1/18-19 (Đã gia hạn học tập 1	159	0	159	15	0.5	Quy hoạch
98	1551020006	Nguyễn Thùy	Trang	06/10/1997	16 Q2	Nhận ĐATN đợt 1/21-22 (30/03/2022)	160	0	160	45	1.5	Quy hoạch
99	1551020012	Bùi Huy	Mạnh	31/12/1997	15 Q1	Nhận ĐATN đợt 1/19-20	159	0	159	45	1.5	Quy hoạch
100	1551020015	Hà Tiến	Hậu	19/01/1996	15 Q2	Nhận ĐATN đợt 2/19-20 (23/10/2020)	159	0	159	45	1.5	Quy hoạch
101	1551020025	Lê Quang	Tuấn	09/10/1997	17 Q2		137	23	160	45	1.5	Quy hoạch
102	1551020040	Dương Thái	Ninh	03/06/1997	17 Q3		126	34	160	45	1.5	Quy hoạch
103	1551020076	Đỗ Phương	Nam	22/03/1997	17 Q1		118	42	160	45	1.5	Quy hoạch
104	1551020078	Nguyễn Duy Chí	Nghĩa	09/06/1997	16 Q1	Nhận ĐATN đợt 1/20-21 (01/03/2021)	158	2	160	45	1.5	Quy hoạch

105	1551020148	Nguyễn Thanh	Thuận	17/04/1997	17 Q2	Nhận ĐATN đợt 1/22-23 (06/03/2023)	160	0	160	45	1.5	Quy hoạch
106	1552010001	Nguyễn Trọng	Hiếu	11/04/1995	17 KTCQ		116	44	160	45	1.5	Quy hoạch
107	1552010019	Chu Minh	Thắng	21/10/1997	17 KTCQ	Nhận ĐATN đợt 1/22-23 (06/03/2023)	160	0	160	45	1.5	Quy hoạch
108	1552010037	Trương Ngọc	Linh	06/04/1997	17 KTCQ		142	18	160	45	1.5	Quy hoạch
109	1558010021	Lê Thị Thùy	Trang	17/08/1996	17 DH		95	40	135	45	1.5	TKMT
110	1558010030	Trần Thanh	Thúy	08/01/1997	15 DH	Đình chỉ TN (04/01/2021)	122	13	135	45	1.5	TKMT
111	1558010049	Bùi Minh	Lượng	30/07/1996	17 DH		90	45	135	45	1.5	TKMT
112	1558010051	Lê Việt	Hùng	12/03/1997	17 DH	Đình chỉ kỳ 2/22-23 vì NHP (28/06/2023)	107	28	135	45	1.5	TKMT
113	1558010052	Nguyễn Thành	Dũng	12/03/1997	15 DH	Đình chỉ TN (25/11/2021)	123	12	135	45	1.5	TKMT
114	1451010414	Vũ Trường	An	23/01/96	17 KTT		205	26	231	45	1.5	Viện ĐT
115	1451010432	Đỗ Hoàng	Hiệp	23/06/96	17 KTT		208	29	237	45	1.5	Viện ĐT
116	1451010434	Nguyễn Bảo	Hoàng	12/07/96	17 KTT	Nhận ĐATN năm học 22-23 BS (12/06/2023)	237	0	237	45	1.5	Viện ĐT
117	1451010454	Lương Tiến	Nghĩa	17/03/96	14 KTT	Nhận ĐATN đợt 1/19-20 (01/10/2019)	240	0	240	15	0.5	Viện ĐT
118	1551030001	Võ Minh	Chiến	11/07/1997	17 X2		141	10	151	45	1.5	Xây dựng
119	1551030003	Vũ Tiến	Dũng	25/05/1997	15 X1	Nhận ĐATN đợt 2/19-20 (18/05/2020)	145	5	150	45	1.5	Xây dựng
120	1551030009	Trần Anh	Tú	14/08/1997	17 X3		127	23	150	45	1.5	Xây dựng
121	1551030017	Nguyễn Mạnh	Đức	05/11/1997	17 X1		125	25	150	45	1.5	Xây dựng
122	1551030018	Nguyễn Đức	Hùng	25/09/1996	16 X4	Nhận ĐATN đợt 2/21-22	148	2	150	45	1.5	Xây dựng
123	1551030026	Trần Tiến	Anh	22/07/1997	17 X3		135	15	150	45	1.5	Xây dựng
124	1551030027	Nguyễn Đình	Tiến	26/02/1996	17 X5		135	15	150	45	1.5	Xây dựng
125	1551030039	Nguyễn Nhật	Hưng	11/07/1997	17 X4		106	44	150	45	1.5	Xây dựng
126	1551030045	Hoàng Quang	Hóa	09/10/1997	17 X3	Nhận ĐATN đợt 2/22-23 (07/04/2023)	141	10	151	45	1.5	Xây dựng
127	1551030056	Phạm Ngọc	Toàn	02/02/1997	15 X3	Đình chỉ TN (20/08/2021)	140	10	150	45	1.5	Xây dựng
128	1551030104	Nguyễn Đình	Hải	25/02/1997	16 X7	Nhận ĐATN đợt 2/21-22 BS (24/05/2022)	147	3	150	45	1.5	Xây dựng
129	1551030108	Lê Phi	Phụng	17/12/1997	17 X4		140	11	151	45	1.5	Xây dựng
130	1551030123	Nguyễn Hồng	Quân	19/05/1997	15 X1	Đình chỉ TN (12/08/2022)	140	10	150	45	1.5	Xây dựng
131	1551030124	Hồ Sỹ Kiến	Quốc	06/05/1997	17 X1		135	15	150	45	1.5	Xây dựng
132	1551030170	Lê Văn	Đông	15/12/1996	17 X2		139	11	150	45	1.5	Xây dựng
133	1551030195	Mạc Đức	Thuận	16/12/1996	17 X1		126	24	150	45	1.5	Xây dựng
134	1551030206	Nguyễn Văn	Huy	02/01/1997	17 X2		130	20	150	45	1.5	Xây dựng
135	1551030214	Hà Công Thế	Anh	27/05/1996	17 X3	Nhận ĐATN đợt 2/22-23 (07/04/2023)	140	10	150	45	1.5	Xây dựng
136	1551030229	Đỗ Văn	Thái	16/06/1997	17 X3		136	14	150	45	1.5	Xây dựng
137	1551030243	Trịnh Đức	Quang	12/08/1995	15 X1	Nhận ĐATN đợt 2/19-20 (18/05/2020)	140	10	150	45	1.5	Xây dựng
138	1551030257	Đào Xuân	Chiến	05/11/1997	17 X3		135	16	151	45	1.5	Xây dựng
139	1551030260	Bùi Thái	Hòa	15/02/1997	17 X4	Đình chỉ kỳ 2/22-23 vì NHP (28/06/2023)	130	20	150	45	1.5	Xây dựng
140	1551030305	Đinh Xuân	Long	16/12/1997	15 X5	Nhận ĐATN đợt 1/19-20 (18/09/2019)	147	3	150	45	1.5	Xây dựng
141	1551030367	Cao Xuân	Linh	26/06/1997	15 X2	Nhận ĐATN đợt 1/21-22 (27/10/2021)	149	1	150	45	1.5	Xây dựng
142	1551030383	Giản Viết	Cường	05/01/1996	17 X4		124	26	150	45	1.5	Xây dựng

143	1551030392	Lê Ngọc	Hiệp	28/10/1997	16 X3	Không đủ ĐK nhận ĐATN	136	14	150	45	1.5	Xây dựng
144	1551030398	Đoàn Ngọc	Hạ	29/02/1996	15 X5	Nhận ĐATN đợt 2/22-23 (07/04/2023)	140	10	150	45	1.5	Xây dựng
145	1551030414	Nguyễn Mạnh	Hùng	04/02/1997	16 X2	Đình chỉ TN (21/02/2023)	137	13	150	45	1.5	Xây dựng
146	1551030418	Hà Mạnh	Đức	09/11/1997	17 X4	Nhận ĐATN đợt 2/22-23 BS (26/05/2023)	139	11	150	45	1.5	Xây dựng
147	1551030419	Phan Đăng	Lưu	01/09/1996	17 X2	Đình chỉ kỳ 2/22-23 vì NHP (28/06/2023)	115	35	150	45	1.5	Xây dựng
148	1551030470	Vũ Đông	Anh	20/11/1995	17 X3		141	10	151	45	1.5	Xây dựng
149	1551030472	Nguyễn Xuân	Huy	20/09/1997	17 X1		117	33	150	45	1.5	Xây dựng
150	1551030499	Phạm Xuân	Phú	25/05/1997	17 X2		138	12	150	45	1.5	Xây dựng
151	1551030515	Trần Văn	Ninh	26/05/1991	15 X3	Nhận ĐATN đợt 1/20-21 (12/10/2020)	146	4	150	45	1.5	Xây dựng
152	1551070013	Tống Minh	Vương	17/04/1997	16 XN	Nhận ĐATN đợt 2/21-22	150	0	0	45	1.5	Xây dựng
153	1551070016	Chu Đình	Đại	15/12/1997	17 XN		135	16	151	45	1.5	Xây dựng
154	1551070017	Bùi Văn	Thuần	31/03/1997	17 XN		132	19	151	45	1.5	Xây dựng
155	1551090020	Nguyễn Duy	Anh	10/10/1997	17 VL	Nhận ĐATN đợt 1/22-23 (19/10/2022)	151	0	151	45	1.5	Xây dựng
156	1551090024	Lê Hữu	Sỹ	01/09/1996	15 VL	Nhận ĐATN đợt 1/20-21 (12/10/2020)	147	3	150	45	1.5	Xây dựng
157	1551090036	Lê Xuân	Long	30/09/1996	17 VL		118	32	150	45	1.5	Xây dựng
158	1551090052	Phan Huy	Hoàng	16/05/1997	17 VL		131	19	150	45	1.5	Xây dựng

BẢNG 5: DANH SÁCH SINH VIÊN HẾT THỜI GIAN TỐI ĐA ĐƯỢC PHÉP HỌC TẠI TRƯỜNG BỊ BUỘC THÔI HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Tình trạng hiện tại	TC TL	TC còn thiếu	TC phải TL	TC còn có thể TL	Năm còn lại	Khoa
1	1451040035	Mạc Thành	Đạt	24/03/96	14 N2	Nhận ĐATN đợt 1/20-21(Đã gia hạn học tập 1 n	136	4	140	15	0.5	Đô thị
2	1451040073	Lê Văn	Kiên	09/05/95	14 N1	Nhận ĐATN đợt 2/21-22 (Đã gia hạn học tập 1 r	138	2	140	15	0.5	Đô thị
3	1451040152	Đinh Anh	Tuấn	16/03/96	15 N2	Nhận ĐATN đợt 1/21-22 (Đã gia hạn học tập 1 r	137	2	139	15	0.5	Đô thị
4	1451050004	Phạm Tuấn	Anh	22/03/94	14 D2	Nhận ĐATN đợt 1/19-20 (Đã gia hạn học tập 1 r	136	4	140	15	0.5	Đô thị
5	1451050027	Phạm Minh	Hải	06/05/96	14 D1	Nhận ĐATN đợt 2/18-19 (Đã gia hạn học tập 1 r	138	2	140	15	0.5	Đô thị
6	1451050087	Đàm Hữu	Trường	10/05/96	14 D1	Nhận ĐATN đợt 2/18-19 (Đã gia hạn học tập 1 r	138	2	140	15	0.5	Đô thị
7	1451050100	Nguyễn Lâm	Vũ	24/03/96	14 D2	Nhận ĐATN đợt 2/18-19 (Đã gia hạn học tập 1 r	138	2	140	15	0.5	Đô thị
8	1451050108	Đặng Văn	Mạnh	10/04/95	14 D2	Nhận ĐATN đợt 2/19-20 (Đã gia hạn học tập 1 r	138	2	140	15	0.5	Đô thị
9	1251040064	Đinh Văn	Giáp	21/06/94	12 N2	Nhận ĐATN đợt 1/18-19 BS (Đã gia hạn học tập	155	0	155	0	0	Đô thị
10	1251050088	Phạm Văn	Thế	06/01/93	12 D2	Nhận ĐATN đợt 1/18-19 BS (Đã gia hạn học tập	153	2	155	0	0	Đô thị
11	1551040147	Phạm Hoàng	Thạch	19/11/1997	17 N1		48	93	141	45	1.5	Đô thị
12	1551050006	Phạm Quốc	Dân	20/06/1996	17 D2		94	47	141	45	1.5	Đô thị
13	1551060013	Phạm Huy	Nhật	24/10/1997	17 M		77	70	147	45	1.5	Đô thị
14	1551060044	Đinh Chí	Công	20/09/1996	17 M		100	47	147	45	1.5	Đô thị
15	1551040003	Đặng Văn	Mạnh	17/02/1997	17 N2		95	46	141	45	1.5	Đô thị
16	1451010086	Đỗ Duy	Đợi	31/08/96	14 K2	Đình chỉ TN (20/01/2022) (Đã gia hạn học tập 1	137	12	149	15	0.5	Kiến trúc
17	1451010090	Nguyễn Văn	Đức	28/01/96	14 K5	Nhận ĐATN đợt 2 năm học 2018-2019 (05/09/2	146	6	152	15	0.5	Kiến trúc
18	1451010142	Ngô Thế	Hiếu	15/12/96	14 K5	Nhận ĐATN đợt 1/19-20 (BB ngày 06/03/2020)	146	6	152	15	0.5	Kiến trúc
19	1451010144	Nguyễn Trung	Hiếu	05/12/95	14 K4	Nhận ĐATN đợt 2/20-21 (25/09/2021)	149	3	152	15	0.5	Kiến trúc
20	1451010176	Nguyễn Mạnh	Hùng	08/09/93	14 K1	Nhận ĐATN đợt 1 năm học 2018 - 2019	149	3	152	15	0.5	Kiến trúc
21	1451010234	Nguyễn Hữu	Mạnh	01/09/96	14 K3	Nhận ĐATN đợt 1 năm học 2018 - 2019	149	3	152	15	0.5	Kiến trúc
22	1451010269	Nguyễn Hồng	Quân	01/02/96	14 K2	Nhận ĐATN đợt 1 năm học 2018 - 2019	143	6	149	15	0.5	Kiến trúc
23	1451010287	Trần Văn	Sáng	07/02/96	14 K4	Đình chỉ kỳ 2/22-23 vì NHP (28/06/2023)	144	8	152	15	0.5	Kiến trúc
24	1451010317	Lâm Quốc	Thái	04/08/96	14 K6	Nhận ĐATN đợt 1/21-22 (29/03/2022)	145	7	152	15	0.5	Kiến trúc
25	1451010328	Lê Văn	Thi	17/11/96	14 K7	Nhận ĐATN đợt 1 năm học 2018 - 2019	147	5	152	15	0.5	Kiến trúc
26	1451010359	Nguyễn Đức	Trung	14/02/96	14 K3	Nhận ĐATN đợt 1/2018 - 2019	145	4	149	45	1.5	Kiến trúc
27	1251010240	Nguyễn Duy	Dũng	07/08/94	12 K6	Nhận ĐATN đợt 1/16-17 (NN ngày 13/01/2017)	152	0	152	0	0	Kiến trúc
28	1251010289	Nguyễn Minh	Đức	10/05/94	12 K7	Đình chỉ TN (05/02/2021- (Đã gia hạn học tập 1	142	7	149	0	0	Kiến trúc

29	1351010107	Võ Mạnh	Hiệp	14/08/94	13 K2	Đình chỉ TN (15/07/2022) (Đã gia hạn học tập 1	136	16	152	0	0	Kiến trúc
30	1351010111	Bùi Xuân	Hòa	06/08/93	13 K6	Nhận ĐATN đợt 2/19-20 (11/10/2020)	148	4	152	0	0	Kiến trúc
31	1351010138	Trần Văn	Hùng	31/07/95	13 K5	Nhận ĐATN đợt 1 năm học 2018 - 2019	152	0	152	0	0	Kiến trúc
32	1351010156	Lê Thị	Lương	19/09/95	13 K2	Nhận ĐATN đợt 1 năm học 2018 - 2019	152	0	152	0	0	Kiến trúc
33	1351010162	Lại Vũ	Linh	29/09/95	17 K1		61	88	149	0	0	Kiến trúc
34	1351010224	Hà Minh	Quân	21/12/94	17 K7	Đã gia hạn học tập	94	55	149	0	0	Kiến trúc
35	1351010275	Phan Mạnh	Thế	20/09/94	13 K2	Đình chỉ TN (18/01/2019) (Đã gia hạn học tập 1	141	11	152	0	0	Kiến trúc
36	1351010321	Dương Anh	Tuấn	17/11/94	13 K6	Nhận ĐATN đợt 2/2018-2019 (05/09/2019)	150	2	152	0	0	Kiến trúc
37	1351010345	Đỗ Nguyễn Hải	Uyên	07/08/95	13 K2	Nhận ĐATN đợt 2/2018-2019 (05/09/2019)	152	0	152	0	0	Kiến trúc
38	1451010050	Nguyễn Thị	Chi	29/09/95	17 K3	Đã gia hạn học tập 1 năm	126	23	149	15	0.5	Kiến trúc
39	1451010120	Nguyễn Quý	Hưng	13/12/95	17 K2	Đình chỉ kỳ 2/22-23 vì NHP (28/06/2023)	99	50	149	15	0.5	Kiến trúc
40	1451010138	Đỗ Đăng	Hải	20/06/95	17 K2	Đã gia hạn học tập 1 năm	130	19	149	15	0.5	Kiến trúc
41	1451010282	Trần Minh	Sơn	12/01/91	14 K6	Đình chỉ TN (19/06/2019) (Đã gia hạn học tập 1	129	23	152	15	0.5	Kiến trúc
42	1451010305	Phạm Duy Công	Thành	19/06/96	14 K1	Đình chỉ TN (15/07/2022)	134	18	152	15	0.5	Kiến trúc
43	1451010314	Nguyễn Thị Phương	Thảo	26/10/96	17 K3	Đình chỉ kỳ 2/22-23 vì NHP (28/06/2023)	107	42	149	15	0.5	Kiến trúc
44	1451010330	Lê Quý	Thiện	17/12/95	17 K2	Đã gia hạn học tập 1 năm	126	23	149	15	0.5	Kiến trúc
45	1451010352	Phạm Quang	Trường	15/06/96	17 K3	Đã gia hạn học tập 1 năm	119	30	149	15	0.5	Kiến trúc
46	1551010353	Hoàng Đạo	Hiếu	28/05/1997	19 K5	Đình chỉ kỳ 2/22-23 vì NHP	58	91	149	45	1.5	Kiến trúc
47	1458020038	Đặng Trọng	Nghĩa	12/09/94	16 NT1	Đình chỉ TN (17/01/2023) (Đã gia hạn học tập 1	123	15	138	15	0.5	Nội thất
48	1558020017	Phạm Ngọc	Hải	28/02/1997	17 NT2		72	66	138	45	1.5	Nội thất
49	1558020055	Nguyễn Thị	Phượng	30/01/1997	17 NT2		92	46	138	45	1.5	Nội thất
50	1558020071	Trần Thị Cẩm	Tú	05/11/1997	17 NT1		87	51	138	45	1.5	Nội thất
51	1451080114	Phạm Thị	Thuỷ	29/01/96	14 QL3	Nhận ĐATN đợt 1/2021 (Đã gia hạn học tập 1 n	139	11	150	15	0.5	QLĐT
52	1453010024	Hoàng Duy	Đạt	14/10/96	17 KX2	Nhận ĐATN đợt 2/22-23 (Đã gia hạn học tập 1 r	126	10	136	15	0.5	QLĐT
53	1451080093	Nguyễn Văn	Quang	12/07/96	17 QL1	Nhận ĐATN đợt 2/22-23 (Đã gia hạn học tập 1 r	130	20	150	15	0.5	QLĐT
54	1451080126	Đặng Đức	Trọng	19/03/92	17 QL2	Đình chỉ TN (17/03/2023) (Đã gia hạn học tập 1	128	22	150	15	0.5	QLĐT
55	1551080138	Đỗ Thị Như	Hoài	23/10/1997	17 QL2		79	71	150	45	1.5	QLĐT
56	1553010055	Nguyễn Hữu	Huy	27/12/1997	17 KX2		85	51	136	45	1.5	QLĐT
57	1251020051	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/09/93	12 Q1	Nhận ĐATN đợt 2/17-18 (Đã gia hạn học tập 1 r	162	3	165	0	0	Quy hoạch
58	1351020009	Bùi Tiến	Chí	19/12/94	13 Q3	Nhận ĐATN đợt 2/19-20 (Đã gia hạn học tập 1 r	162	3	165	0	0	Quy hoạch
59	1551020044	Đỗ Thị Thùy	Linh	21/11/1997	17 Q2		108	53	160	45	1.5	Quy hoạch
60	1551020103	Lê Việt	Anh	28/03/1997	17 Q1		84	76	160	45	1.5	Quy hoạch
61	1551020130	Đinh Ngọc	ánh	16/06/1997	17 Q2		83	77	160	45	1.5	Quy hoạch
62	1551020151	Phan Đức	Anh	09/11/1997	17 Q2		104	56	160	45	1.5	Quy hoạch
63	1552010027	Đỗ Khắc Hoài	Sơn	06/04/1993	17 KTCQ		95	65	160	45	1.5	Quy hoạch
64	1552010044	Lã Bá Xuân	Quang	08/11/1997	17 KTCQ		87	73	160	45	1.5	Quy hoạch

65	1558010020	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/10/1993	17 DH		88	47	135	45	1.5	TKMT
66	1451010435	Nguyễn Lê	Hoàng	02/09/96	14 KTT	Nhận ĐATN năm học 20-21 (31/05/2021)	237	3	240	45	1.5	Viện ĐT
67	1451010547	Nguyễn Thúy	Hòa	11/06/92	11 KTT	Nhận ĐATN đợt 2/19-20 (Đã gia hạn học tập 1 n	232	4	237	0	0	Viện ĐT
68	1451010362	Nguyễn Đức	Nghĩa	15/09/93	11 KTT	Nhận ĐATN đợt 2/19-20 (Đã gia hạn học tập 1 n	233	3	236	0	0	Viện ĐT
69	1451010448	Nguyễn Hữu Thái	Luân	14/08/96	17 KTT		185	52	237	45	1.5	Viện ĐT
70	1451010460	Nguyễn Minh	Quân	24/08/96	20 KTT	Đình chỉ kỳ 2/22-23 vì NHP (28/06/2023)	0	237	237	45	1.5	Viện ĐT
71	1451030052	Dương Quốc	Doanh	08/01/96	15 X2	Nhận ĐATN đợt 1/20-21 (Đã gia hạn học tập 1 n	146	4	150	15	0.5	Xây dựng
72	1451030349	Ngô Đình	Vũ	04/07/96	14 X2	Đình chỉ TN (21/02/2023) (Đã gia hạn học tập 1	140	10	150	15	0.5	Xây dựng
73	1451030388	Nguyễn Văn	Trường	25/04/95	14 X2	Nhận ĐATN đợt 1/20-21 (Đã gia hạn học tập 1 n	146	4	150	15	0.5	Xây dựng
74	1251090001	Nguyễn Duy	Anh	06/05/94	12 VL	Nhận ĐATN đợt 1/20-21 (Đã gia hạn học tập 1 n	152	0	152	0	0	Xây dựng
75	1351030201	Lê Văn	Minh	23/04/95	13 X1	Đình chỉ TN (21/05/2018) (Đã gia hạn học tập 1	160	10	170	0	0	Xây dựng
76	1351030287	Trần Thị	Thảo	11/08/95	17 X4	Đã gia hạn học tập 1 năm	123	47	170	0	0	Xây dựng
77	1451030013	Trịnh Tuấn	Anh	02/01/96	17 X1	Đã gia hạn học tập 1 năm	124	26	150	15	0.5	Xây dựng
78	1451030112	Nguyễn Mạnh	Hưng	17/07/96	15 X1	Đã gia hạn học tập 1 năm	134	16	150	15	0.5	Xây dựng
79	1551030341	Đinh Văn	Đoàn	13/05/1997	17 X5		95	55	150	45	1.5	Xây dựng
80	1551030352	Nguyễn Tùng	Anh	07/03/1997	17 X1		104	47	151	45	1.5	Xây dựng
81	1551030371	Tạ Đức	Anh	11/09/1997	17 X2		77	73	150	45	1.5	Xây dựng
82	1551030427	Phạm Thế	Tiệm	29/06/1997	17 X2		71	79	150	45	1.5	Xây dựng
83	1551070049	Nguyễn Việt	Dũng	03/03/1997	17 XN		87	64	151	45	1.5	Xây dựng
84	1551090030	Nguyễn Đình	Duẫn	20/05/1997	17 VL	Đình chỉ kỳ 1/21-22 vì không ĐK học	74	77	151	45	1.5	Xây dựng